

Số: 40/2026/QĐST-HNGĐ

Lai Châu, ngày 08 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 56/2026/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Lý Thị K**, sinh năm 2005.

Địa chỉ: **Bản N, xã B, tỉnh Lai Châu.**

- Bị đơn: Anh **Chim Văn K1**, sinh năm 2002.

Địa chỉ: **Bản N, xã B, tỉnh Lai Châu.**

Căn cứ vào các Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Lý Thị K** và anh **Chim Văn K1**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lý Thị K** và anh **Chim Văn K1** nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn:

- Về nuôi con chung: Chị **Lý Thị K** và anh **Chim Văn K1** có 01 con chung tên là **Chim Kiều T**, sinh ngày 15/10/2023. Chị **Lý Thị K** và anh **Chim Văn K1** thỏa thuận, thống nhất: Sau khi ly hôn chị **Lý Thị K** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu **Chim Kiều T** cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Anh **Chim Văn K1** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh **K1** thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Lý Thị K** và anh **Chim Văn K1** tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị **Lý Thị K** và anh **Chim Văn K1** tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Lý Thị K** và anh **Chim Văn K1** mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị **Lý Thị K** tự nguyện nộp cho anh **Chim Văn K1** số tiền án phí mà anh **K1** phải nộp là 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*). Tổng cộng chị **Lý Thị K** phải nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án Hôn nhân gia đình, nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị **K** đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị **Lý Thị K** đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị **Lý Thị K** 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000220, ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 4 – Lai Châu;
- THADS tỉnh Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 4 - Lai Châu;
- UBND xã Bum Nưa, tỉnh Lai Châu.
- Lưu hồ sơ./.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Bình

